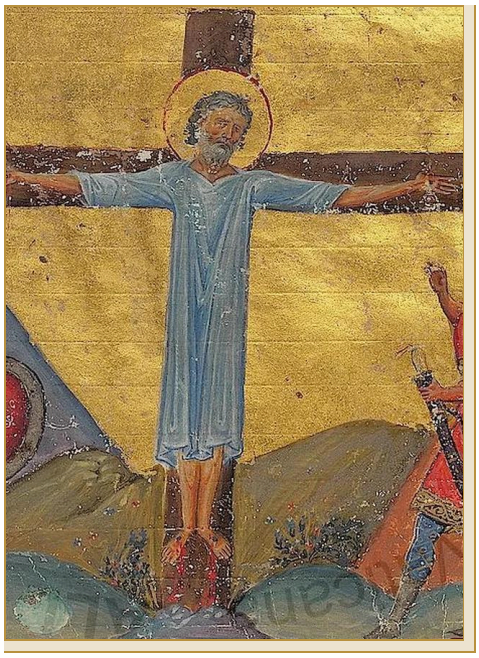


Kế vị tông đồ

từ Thánh Anrê, Đấng được gọi đầu tiên, qua Tòa Thượng phụ Đại kết Constantinopolis, cho đến ngày nay

trong dòng kế vị

Đức Giám mục*

Garland F. Byers, Jr., J.D., D.D.‡

Giám mục cho muôn dân, theo sứ mạng tông đồ

1. Thánh Anrê, Đấng được gọi đầu tiên, Tông đồ và Tử đạo CO

được Chúa Kitô kêu gọi khoảng năm 30 sau Công nguyên
được nêu tên trong Kinh Thánh: người đầu tiên đi theo Chúa Kitô, người đã dẫn người anh em của mình là Simôn Phêrô đến với Ngài (Giăng 1:40–42); được kể tên trong Nhóm Mười Hai (Ma-thi-ơ 10:2)

Dòng kế vị tông đồ này trải dài từ Tông đồ Anrê, khoảng năm 30 sau Công nguyên, cho đến ngày nay, tức là 1.996 năm tính đến năm 2026.

Dòng kế vị từ Thánh Anrê đến Germanus V, Thượng phụ Đại kết, theo danh sách các giám mục và thượng phụ do Tòa Thượng phụ Đại kết Constantinopolis lưu giữ: chính là danh sách mà Tòa Thượng phụ Đại kết dựa vào để truy nguyên sự kế vị tông đồ của chính mình đến Thánh Anrê, Đấng được gọi đầu tiên.

Việc tấn phong vào chức vụ giám mục đã được trao truyền từ vị này sang vị kế tiếp, qua các Giáo hội được nêu tên dưới đây.

Một số giám mục trong dòng kế vị này cũng được tôn kính là thánh. Các dấu hiệu bên cạnh tên các ngài chỉ liên quan đến sự thánh thiện của đời sống. Các dấu hiệu ấy không liên quan gì đến tính hữu hiệu của bất cứ cuộc tấn phong nào: mỗi giám mục được liệt kê đều giữ vị trí của mình trong dòng kế vị như nhau, dù có được tôn kính là thánh hay không.

Th. Thánh: người được một Giáo hội công khai tôn kính là đã sống một đời thánh thiện anh hùng và nay đang ở cùng Đức Chúa Trời, và được Giáo hội ấy ghi nhớ trong lịch phụng vụ của mình. Trong Giáo hội sơ khai, các thánh được công

nhận qua sự tung hô của các tín hữu và các giám mục của họ; về sau, qua việc tuyên thánh chính thức trong Giáo hội Công giáo Rôma và việc tôn vinh hiển thánh trong Giáo hội Chính Thống.

Cp. Chân phước: trong Giáo hội Công giáo Rôma, người đã được phong chân phước, là bước chính thức đi trước việc tuyên thánh.

C Được Giáo hội Công giáo Rôma tôn kính là thánh hoặc chân phước.

O Được Giáo hội Chính Thống tôn kính là thánh.

CO Được cả Giáo hội Công giáo Rôma lẫn Giáo hội Chính Thống tôn kính là thánh.

Màu đỏ Tử đạo: người đã hiến mạng sống vì đức tin.

Các Giáo hội không phải lúc nào cũng nhất trí về việc ai là thánh. Một Giáo hội có thể tôn kính một người mà Giáo hội khác không tôn kính, và các dấu hiệu cho biết Giáo hội nào tôn kính mỗi vị.

Constantinopolis

Tòa Byzantium, về sau là Constantinopolis, nhận Thánh Anrê, Đấng được gọi đầu tiên, là đấng sáng lập. Các giám mục và thượng phụ từ Thánh Stakhy, người được Thánh Anrê truyền chức, cho đến Germanus V, là vị thượng phụ mà dưới thời ngài, Kristofor Kisi đã được tấn phong làm giám mục của Tòa Thượng phụ Đại kết năm 1916.

2. Th. Stakhy CO 38
3. Onesimus 54
4. Polycarp I 69
5. Plutarch 89
6. Sedecion 105
7. Diogenes 114
8. Eleutherius 129
9. Felix 136
10. Polycarp II 141
11. Athenodorus 144
12. Euzois 148
13. Laurence 154
14. Alypius 166
15. Pertinax 169
16. Olympianus 187
17. Mark I 198
18. Philadelphus 211
19. Cyriacus I 214
20. Castinus 230
21. Eugenius I 237
22. Titus 242
23. Dometius 272
24. Rufinus I 284
25. Probus 293
26. Th. Metrophanes CO 306
27. Th. Alexander CO 314
28. Th. Phaolô I CO *Tử đạo* 337
29. Eusebius 339
30. Macedonius I 342
31. Eudoxius 360
32. Evagrius 370
33. Demophilus 370
34. Th. Grêgôriô Nazianzênô CO 379
35. Th. Nectarius CO 381
36. Th. Gioan Kim Khẩu CO 398
37. Arsacius 404

38. Th. Atticus CO 406
39. Sisinnius I 426
40. Nestorius 428
41. Maximian 431
42. Th. Proclus CO 434
43. Th. Flavian CO *Tử đạo* 446
44. Th. Anatolius CO 449
45. Th. Gennadius I CO 458
46. Acacius 472
47. Fravitta 489
48. Euphemius 490
49. Macedonius II 496
50. Timothy I 511
51. John II 518
52. Epiphanius 520
53. Anthimus I 535
54. Th. Menas CO 536
55. Th. Eutychius CO 552
56. John III 565
57. Th. John IV CO 582
58. Cyriacus II 596
59. Thomas I 607
60. Sergius I 610
61. Pyrrhus 638
62. Paul II 641
63. Peter 654
64. Thomas II 667
65. John V 669
66. Constantine I 675
67. Theodore I 677
68. George I 679
69. Paul III 688
70. Callinicus I 693
71. Cyrus 706
72. John VI 712
73. Th. Germanus I CO 715
74. Anastasius 730
75. Constantine II 754
76. Nicetas I 766
77. Th. Paul IV CO 780
78. Th. Tarasius CO 784
79. Th. Nicephorus I CO 806
80. Theodotus I 815
81. Anthony I 821
82. John VII 837
83. Th. Methodius I CO 843
84. Th. Ignatius CO 847
85. Th. Photius O 858
86. Stephen I 886
87. Anthony II 893
88. Th. Nicholas I CO 901
89. Euthymius I 907
90. Stephen II 925
91. Tryphon 928
92. Theophylact 933
93. Polyeuctus 956
94. Basil I 970
95. Anthony III 974
96. Nicholas II 984
97. Sisinnius II 996
98. Th. Sergius II CO 1001
99. Th. Eustathius CO 1019
100. Alexius Stoudites 1025
101. Michael I Cerularius 1043
102. Th. Constantine III O 1059
103. Th. John VIII Xiphilinos O 1064
104. Th. Cosmas I O 1075
105. Eustratius Garidas 1081

106. Nicholas III Grammatikos 1084
107. John IX 1111
108. Th. Leo [O] 1134
109. Th. Michael II [O] 1143
110. Cosmas II 1146
111. Nicholas IV 1147
112. Theodotus II 1151
113. Neophytus I 1154
114. Constantine IV 1154
115. Luke Chrysoberges 1157
116. Michael III 1170
117. Chariton 1178
118. Theodosius I 1179
119. Basil II Kamateros 1183
120. Nicetas II Mountanes 1186
121. Dositheus 1189
122. Leontius 1189
123. George II Xiphilinos 1191
124. John X Kamateros 1198
125. Michael IV Autoreianos 1208
126. Theodore II 1213
127. Maximus II 1216
128. Manuel I 1217
129. Germanus II 1223
130. Methodius II 1240
131. Manuel II 1243
132. Th. Arsenius [O] 1254
133. Nicephorus II 1260
134. Germanus III 1265
135. Th. Joseph I [O] 1266
136. John XI 1275
137. Gregory II 1283
138. Th. Athanasius I [O] 1289
139. John XII 1294
140. Nephon I 1310
141. John XIII 1315
142. Gerasimus I 1320
143. Isaias 1323
144. John XIV 1334
145. Isidore I 1347
146. Th. Callistus I [O] 1350
147. Philotheus 1353
148. Macarius 1377
149. Nilus 1380
150. Antony IV 1389
151. Th. Callistus II [O] 1397
152. Matthew I 1397
153. Euthymius II 1410
154. Joseph II 1416
155. Metrophanes II 1440
156. Gregory III 1445
157. Athanasius II 1450
158. Gennadius II Scholarios 1454
159. Isidore II 1456
160. Joasaph I 1462
161. Mark II 1466
162. Symeon I 1466
163. Th. Dionysius I [O] 1466
164. Raphael I 1475
165. Th. Maximus III [O] 1476
166. Th. Nephon II [O] 1486
167. Maximus IV 1491
168. Joachim I 1498
169. Pachomius I 1503
170. Theoleptus I 1513
171. Th. Jeremias I [O] 1522
172. Joannicius I 1524
173. Dionysius II 1546

174. Joasaph II 1556
175. Metrophanes III 1565
176. Jeremias II 1572
177. Pachomius II 1584
178. Theoleptus II 1585
179. Matthew II 1596
180. Gabriel I 1596
181. Theophanes I 1596
182. Meletius I 1597
183. Neophytus II 1602
184. Raphael II 1603
185. Cyril I Lucaris 1612
186. Timothy II 1612
187. Gregory IV 1623
188. Anthimus II 1623
189. Cyril II Kontares 1633
190. Athanasius III Patelaros 1634
191. Neophytus III 1636
192. Parthenius I 1639
193. Parthenius II 1644
194. Joannicius II 1646
195. Cyril III 1652
196. Paisius I 1652
197. Th. Parthenius III ○ *Tử đạo* 1656
198. Gabriel II 1657
199. Parthenius IV 1657
200. Dionysius III 1662
201. Clement 1667
202. Methodius III 1668
203. Dionysius IV 1671
204. Gerasimus II 1673
205. Athanasius IV 1679
206. James 1679
207. Callinicus II 1688
208. Neophytus IV 1688
209. Gabriel III 1702
210. Neophytus V 1707
211. Cyprianus 1707
212. Athanasius V 1709
213. Cyril IV 1711
214. Cosmas III 1714
215. Jeremias III 1716
216. Callinicus III 1726
217. Paisius II 1726
218. Seraphim I 1733
219. Neophytus VI 1734
220. Cyril V 1748
221. Callinicus IV 1757
222. Seraphim II 1757
223. Joannicius III 1761
224. Samuel 1763
225. Meletius II 1768
226. Theodosius II 1769
227. Sophronius II 1774
228. Gabriel IV 1780
229. Procopius 1785
230. Neophytus VII 1789
231. Gerasimus III 1794
232. Th. Gregory V ○ *Tử đạo* 1797
233. Callinicus V 1801
234. Jeremias IV 1809
235. Cyril VI 1813
236. Eugenius II 1821
237. Anthimus III 1822
238. Chrysanthus 1824
239. Agathangelus 1826
240. Constantius I 1830
241. Constantius II 1834

242. Gregory VI 1835
243. Anthimus IV 1840
244. Anthimus V 1841
245. Germanus IV 1842
246. Meletius III 1845
247. Anthimus VI 1845
248. Cyril VII 1855
249. Joachim II 1860
250. Sophronius III 1863
251. Joachim III 1878
252. Joachim IV 1884
253. Dionysius V 1887
254. Neophytus VIII 1891
255. Anthimus VII 1895
256. Constantine V 1897
257. Germanus V 1913

Albania và Hoa Kỳ

Từ Kristofor Kisi, được tấn phong giám mục tại Constantinopolis năm 1916 và về sau là Tổng Giám mục Albania, mỗi giám mục được tấn phong bởi vị có tên trước mình. Cùng với Giám mục Hierotheos, đại diện (exarch) của Tòa Thượng phụ Đại kết, Kisi đã tấn phong Theofan (Fan) Noli tại Korçë năm 1923.

258. Kristofor Kisi 1916
259. Theofan (Fan) Noli 1923
260. William Henry Francis Brothers 1934
261. Joseph John Skureth 1966
262. Nils Bertil Alexander Persson 1989
263. Samuel Guido, Jr. 2004

264.

Garland F. Byers, Jr.

2013

Bí tích Truyền Chức Thánh

Lễ phong chức
Ngày 17 tháng 8 năm 2008, qua việc đặt tay, tại St. Paul's Lutheran Orthodox Chapel, Palmerton, Pennsylvania.

Tấn phong giám mục
Ngày 20 tháng 4 năm 2013, qua việc đặt tay trong cử hành Bí tích Thánh Thể, tại St. Paul's Lutheran Orthodox Chapel, hôm ấy nhóm họp tại American Legion Post 16, Slatington, Pennsylvania.

Vị chủ phong
Đức Tổng Giám mục Samuel Guido, Jr.

Các vị phụ phong

Phục vụ

Được tấn phong giám mục ngày 20 tháng 4 năm 2013, trong Lutheran Orthodox Church, Inc., nơi về sau ngài đã phục vụ với tư cách Tổng Giám mục Giáo phận Western North Carolina. Đức Giám mục Byers không còn liên kết với tổ chức ấy.

Tiến sĩ Thần học (*honoris causa*), do Lutheran Orthodox Church, Inc. trao tặng ngày 20 tháng 4 năm 2013.

Giám mục Bradley A. Varvil

Giám mục Michael Byus

Giám mục James Thompson

Các chứng thư phong chức và tấn phong giám mục, cùng với hình ảnh lễ tấn phong, được trình bày trên trang Về Đức Giám mục.



Mọi câu Kinh Thánh tiếng Việt trên trang này được trích từ bản *Kinh Thánh* 1934 (bản dịch của William Cadman và các cộng sự), thuộc phạm vi công cộng. Văn bản: ebible.org/vie1934. Chỉ trích dẫn từng đoạn; dấu chấm lửng (...) chỉ phần lược bỏ. Chỉ sửa vài chữ bị lỗi mã hóa trong bản điện tử ấy (chẳng hạn "Aáy" thành "Ấy", "k"" thành "kỳ"); riêng Ma-thi-ơ 6:10, bị lỗi không đọc được trong bản ấy, được lấy từ một bản sao khác của cùng bản Kinh Thánh 1934.

Cuộc đóng đinh Thánh Anrê, tiểu họa trong sách Menologion của Basil II, Constantinopolis, khoảng năm 1000 sau Công nguyên, Thư viện Vatican (Vat. gr. 1613). Lấy từ Wikimedia Commons, public domain; đã cắt xén và đổi kích thước so với bản gốc.